

**CÔNG TY TNHH
QUẢN LÝ QUỸ MIRAE ASSET
(VIỆT NAM)**

**MIRAE ASSET (VIETNAM) FUND
MANAGEMENT COMPANY
LIMITED**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness

Số: 1006/2025/CV-MAFM

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2025

No: 1006/2025/CV-MAFM

Ha Noi, August 13th 2025

BÁO CÁO

REPORT

**Tổng kết hoạt động quản lý quỹ
Annual Summary of Fund Management Activities**

(bán niên 2025)

(first half of 2025)

(Theo mẫu Phụ lục XXV thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(Enclosed with the Circular No. 98/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 of the Minister of Finance)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Submitted to: The State Securities Commission of Vietnam

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ

1. Information about the fund

a) Tên của quỹ: Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Mirae Asset Việt Nam (MAGEF)

a) Fund Name: Mirae Asset Vietnam Growth Equity Fund (MAGEF)

Loại hình quỹ: Quỹ Mở

Fund Type: Open-ended Fund

b) Mục tiêu đầu tư của quỹ

b) Investment objectives of the fund

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tăng trưởng giá trị tài sản ròng dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập của các khoản đầu tư.

The investment objective of the Fund is to achieve long-term net asset value growth through capital appreciation and income from investments.

c) Thời hạn hoạt động của quỹ: vô thời hạn



c) Operating period of the fund: Indefinite

d) Danh mục tham chiếu: không áp dụng

d) Benchmark portfolio: Not applicable

e) Chính sách phân chia lợi nhuận

e) Profit distribution policies

Quỹ phân chia lợi nhuận cho Nhà Đầu Tư nếu:

The Fund may only distribute profits to Investors when:

- Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

The Fund has fulfilled or has the financial capacity to fulfill its tax obligations and other financial obligations in accordance with the law;

- Ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Immediately after distributing the predetermined profits, the Fund must still ensure the full payment of all debts and other financial obligations that are due.

Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ được thực hiện trên cơ sở đề xuất của Công Ty Quản Lý Quỹ và phải được sự chấp thuận trước của Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại Diện Quỹ (nếu Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ quyết định phù hợp với quy định tại Điều Lệ Quỹ).

The distribution of profits by the Fund is carried out based on the proposal of the Fund Management Company and must be approved in advance by the Investors' General Meeting or by the approval of the Fund's Representative Board (if the most recent Investors' General Meeting has authorized the Representative Board to make decisions in accordance with the Fund's Charter).

Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Đơn Vị Quỹ.

Form of profit distribution in cash or in Fund Units.

f) Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành (tại thời điểm 30/06/2025): 31,100,856.28

f) The number of outstanding fund units: 31,100,856.28

g) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo: Không có.

g) Changes in the fund's charter in reporting period: None

h) Nội dung Nghị quyết Đại hội Nhà Đầu Tư trong kỳ báo cáo:

h) Contents of the resolution of the General Meeting of Investors in the reporting period:

ĐHNDT thường niên

Annual General Meeting

- Thông qua báo cáo hoạt động của Quỹ năm 2024

- Approval of the Fund's 2024 operational report

- Thông qua kế hoạch đầu tư của Quỹ năm 2025

- *Approval of the Fund's 2025 investment plan*
- Thông qua toàn văn Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 của Quỹ
- *Approval of the full text of the Fund's 2024 audited financial report*
- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 của Quỹ
- *Approval of the Fund's 2024 profit distribution plan*
- Thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán năm 2025 cho Quỹ
- *Approval of the selection of an auditing organization to conduct the 2025 audit for the Fund*
- Thông qua Ngân sách hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ năm 2025
- *Approval of the Fund's 2025 operating budget*
- Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Quỹ
- *Approval of the Fund's Charter amendment*

Đính kèm là Nghị quyết Đại hội Nhà Đầu Tư Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Mirae Asset Việt Nam ('MAGEF')

Attached is the Resolution of the Annual General Meeting of Mirae Asset Vietnam Growth Equity Fund ('MAGEF')



Nghị quyết AGM
2025_MAGEF.pdf

h) Trong giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025, Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) đã tuân thủ theo các nội dung quy định tại điều 45 Thông tư 183 hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở về Chế độ báo cáo, lưu trữ hồ sơ, và quản lý thông tin.

h) During the period from January 1, 2025 to June 30, 2025, Mirae Asset Fund Management Company Limited (Vietnam) has complied with the provisions of Article 45 of Circular 183 guiding the establishment and management of open-end funds on the Reporting, record keeping, and information management regime.

2. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

2. Reporting on operations of the fund:

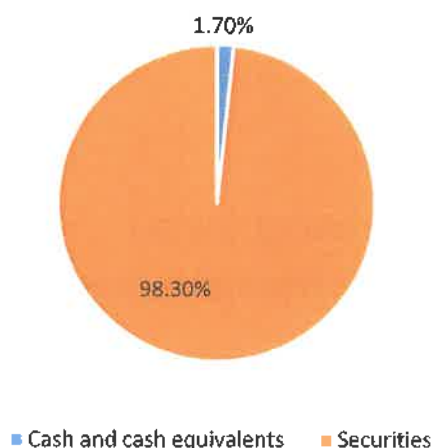
a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 30/06/2025

a) Information about the investment portfolio and the NAV of the fund determined at June 30th 2025

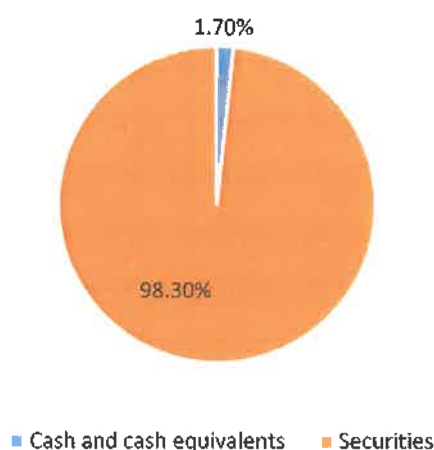
- Danh mục đầu tư của Quỹ phân bổ theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (cổ phiếu, trái phiếu,...)

- *The investment portfolio of the fund, sorted by business sectors/ fields and product types (stocks, bonds, etc.)*

PHÂN BỐ TÀI SẢN

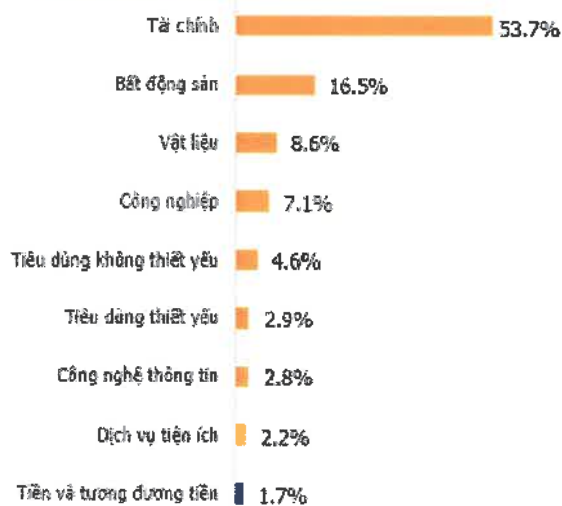


ASSET ALLOCATION



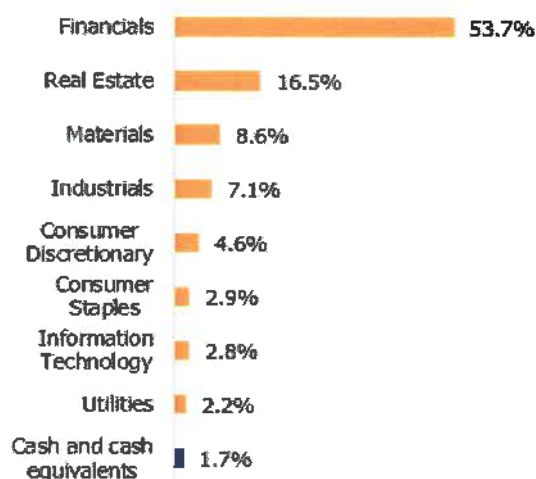
CƠ CẤU DANH MỤC THEO NGÀNH

Phân bố tài sản theo ngành (%NAV)



SECTORAL PORTFOLIO STRUCTURE

Asset allocation by sector (%NAV)



- Giá trị tài sản ròng của quỹ: 539,408,147,217 VND
- NAV of the fund: 539,408,147,217 VND
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ: 17,343.83 VND
- NAV per fund unit: 17,343.83 VND
- Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành: 31,100,856.28
- Number of outstanding fund certificates: 31,100,856.28
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong năm 2025: 17,382.80 VND

- *The highest/ NAV per fund unit in 2025: 17,382.80 VND*
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong năm 2025: 14,011.28 VND
- *The lowest NAV per fund unit in 2025: 14,011.28 VND*
- Tổng lợi nhuận của quỹ, nêu chi tiết phần lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) và phần lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi,...) (giá trị thu nhập)
- *Total profits of the fund/ the securities investment company, including detailed information about profits accrued from the growth in securities price (capital gains) and profits accrued from yields on securities (dividends, coupons, deposit interests, etc.) (income value);*

Chỉ tiêu (VNĐ) Indicator (VND)	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025 From 01/01/2025 to 31/12/2025
Lãi bán các khoản đầu tư <i>Realized gain from disposal investments</i>	51,947,378,484
Chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện <i>Unrealized gain from investment revaluation</i>	(40,725,749,784)
Cổ tức <i>Dividend income</i>	3,753,305,000
Trái tức <i>Interest income from bonds</i>	0
Lãi tiền gửi <i>Interest income from bank deposits</i>	0

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ; Thời điểm phân chia lợi nhuận; Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: trong năm 2024, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

- *Distributed profits per fund unit/ per share of the securities investment company (net value and gross value) in the reporting period, including profits distributed in cash or by fund units/shares of the securities investment company; Time of profit distribution; NAV per fund unit/ per share of the securities investment company determined before and after the profit distribution;*

- Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và tốc độ vòng quay danh mục trong năm 2025
- *The operating expense ratio and portfolio turnover rate of the fund in 2025*

Chỉ tiêu <i>Indicator</i>	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025 <i>From 01/01/2025 to 31/12/2025</i>
Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ trong 6 tháng đầu năm 2025 <i>Operating expense ratio in first half of 2025 (%)</i>	2.45%
Tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ trong 6 tháng đầu năm 2025 <i>Portfolio turnover rate in first half of 2025 (%)</i>	121.61%

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ

b) Profit indicator of the fund

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ: Không có

Average annual profit of the fund: None

c) Các chỉ tiêu so sánh khác:

c) Other comparison indicators:

Trong giai đoạn 6 tháng đầu năm 2025, việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ tuân thủ theo quy định pháp luật hiện hành, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch.

In the first 6 months of 2025, the determination of the fund's net asset value complied with applicable laws, the fund's Charter, and the Prospectus.

3. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

3. Reporting on management of assets by the fund management company

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ: không có

a) Explanations about the replacement of the fund management company: None

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư: không có

b) Explanations about the fulfillment of investment objectives by the fund : None

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị): không có danh mục tham chiếu

c) Comparison between the profits earned by the fund and the benchmark portfolio's profits, underlying indexes specified in the prospectus of the same reporting period (via graph): the fund has no reference portfolio

d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị): không có danh mục tham chiếu

d) Comparison between the profits earned by the fund/securities investment company and the benchmark portfolio's profits, underlying indexes specified in the prospectus in the prospectus for the period of 05 recent years, up to the reporting date (via graph): the fund has no reference portfolio

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã

công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ:

e) Description of investment strategies which have been applied by the fund/securities investment company during the reporting period. If the investment strategies applied during the period are different from those specified in the prospectus, explanations about such difference and assessment of advantages and disadvantages of the investment strategies applied during the period shall be provided:

Chiến lược đầu tư của Quỹ là đầu tư chủ động khi xây dựng danh mục đầu tư tập trung vào cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch có vốn hóa lớn, thanh khoản cao và cổ phiếu sẽ niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

The Fund's investment strategy is to actively invest in building a portfolio focusing on listed stocks, registered for trading with large capitalization, high liquidity and stocks that will be listed and registered for trading on the Vietnamese stock market.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ kỳ liền kề kỳ báo cáo:

f) Description of the difference between the investment portfolio of the fund/securities investment company at the reporting time and that in the year preceding the reporting year;

Chỉ số VN-Index tăng 3,3% trong tháng 6, đóng cửa ở mức 1.376,1, tiếp tục đà tăng từ tháng 5 nhưng theo một cách lành mạnh hơn. Trong khi mức tăng của tháng 5 chủ yếu được thúc đẩy bởi cổ phiếu Vingroup, thì tháng 6 chứng kiến dòng tiền phân bổ đều hơn cho nhiều ngành. Có một số biến động trong cuộc xung đột ngắn ngủi giữa Israel và Iran, nhưng tâm lý chung dần được cải thiện trong bối cảnh những diễn biến tích cực liên quan đến thuế quan đối ứng của Mỹ cho Việt Nam. Trong nửa đầu năm, VN-Index đã tăng 8,6% và hiện ở mức cao nhất kể từ tháng 4 năm 2022.

The VN-Index rose 3.3% in June, closing at 1376.1, continuing its rally from May but in a structurally healthier manner. While May's gains were largely driven by Vingroup stocks, June saw broader participation, with liquidity spreading more evenly across sectors. There was some volatility during the short-lived Israel-Iran conflict, but the overall sentiment gradually improved amid positive developments related to the US reciprocal tariffs on Vietnam. During the first half of the year, the VN-Index has risen by 8.6% and is now at its highest level since April 2022.

Thanh khoản vẫn ở mức cao khi thị trường chứng khoán tiếp tục đà tăng. Giá trị giao dịch trung bình hàng ngày của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là 21,0 nghìn tỷ đồng, giảm nhẹ 3% so với tháng trước. Các nhà đầu tư nước ngoài đã bán ròng trong tháng này, với lượng bán ròng là 1,4 nghìn tỷ đồng trên HSX, ít hơn đáng kể so với con số hàng tháng của quý 1.

Liquidity remained at a high level as the stock market continued its rally. The average daily trading value of the Ho Chi Minh Exchange was VND 21.0tn, a slight 3% decrease m/m. Foreign investors were net sellers this month, with a net sold amount of VND 1.4tn on HSX, significantly less than 1Q monthly figure.

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối) tại kỳ báo cáo này với kỳ báo cáo gần nhất:

g) Analysis on operating results of the fund/securities investment company on the basis of comparison between the NAV per fund unit/share of the securities investment company (after adjustment of the distributed profits, if any) in this reporting period and that in the previous reporting period:

Tính đến 30/06/2025, NAV/ccq của MAGEF là 17,343.83 đồng, tăng 1.6% so với thời điểm tại ngày 31/12/2024.

As of June 31, 2025, MAGEF's NAV/share is VND 17,343.83, an increase of 1.6% compared to December 31, 2024.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap):

Đa số các ngành đều ghi nhận hiệu suất tốt trong tháng. Hai ngành có hiệu suất tốt nhất là Hàng tiêu dùng thiết yếu, chủ yếu nhờ cổ phiếu Masan sau những tin hiệu về KQKD tốt trong quý 2 và Năng lượng, khi giá dầu tăng trong thời gian cuộc xung đột Israel – Iran diễn ra. Mặt khác, Bất động sản đã có bước lùi nhẹ do cổ phiếu nhóm Vingroup dần ổn định sau đợt tăng giá kéo dài 3 tháng.

A majority of sectors recorded good performance during the month. The two best performers are Consumer Staples, mainly driven by Masan after hints of good earnings in 2Q, and Energy, following oil price increase during Israel – Iran conflict. On the other hand, Real Estate took a slight step back due to Vingroup stocks stabilizing after a 3-month rally.

Quỹ đã ghi nhận mức lợi nhuận 5,1% trong tháng, vượt trội hơn VN-Index 1,8 điểm phần trăm. Hiệu suất vượt trội này chủ yếu là nhờ cổ phiếu của Vingroup ổn định và tỷ trọng cao cổ phiếu Ngân hàng và Hàng tiêu dùng.

The fund recorded a return of 5.1% for the month, outperforming the VN-Index by 1.8 percentage points. This outperformance is mainly thanks to Vingroup stocks stabilizing and an overweight in Bank and Consumer stocks.

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ; ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách) : không có

i) Information about full/partial division of a fund unit in the period (if any); impacts of such division and NAV per fund unit (after the division);

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: không có

k) Cases in which rights and benefits of holders of fund certificates/shareholders of the securities investment company are influenced;

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan : không có

l) Information about transactions made with individuals who have related rights and benefits (if any);

4. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

4. Reporting on operations of the supervisory bank

Ngân hàng giám sát phải đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset trong quá trình vận hành và quản lý Quỹ Đầu tư Cổ phiếu tăng trưởng Mirae Asset Việt Nam (“MAGEF” hoặc “Quỹ”) đối với các nội dung sau:

The custodian bank must give its opinion on the compliance with the law, regulations in the Fund Charter, and Prospectus of Mirae Asset Fund Management Company Limited during the operation and management of Mirae Asset Vietnam Growth Equity Investment Fund (“MAGEF” or “Fund”) for the following contents:

a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với các quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan, cụ thể như sau:

a) During our supervision of the Fund's investments and asset transactions for the period from 01st January 2025 to 30th June 2025, the structure of the investment portfolio of the Fund deviated

from investment limits under the prevailing regulations for open-end fund, Fund Charter, Fund Prospectus and other relevant regulations, details as below:

- Theo Điểm b, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ("Thông tư 98") và Điều 10, Điều lệ Quỹ quy định cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ mở phải đảm bảo: "Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ" Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ cho phù hợp với quy định trong thời gian cho phép.

- Point b, Clause 4, Article 35, Circular 98/2020/TT-BTC dated 16th November 2020 providing guidance on operation and management of securities investment funds ("Circular 98") and Article 10, Fund Charter regulate that the structure of the investment portfolio of an open-end fund must ensure the following investment limit: "The fund shall not invest in more than 10% of total value of outstanding securities of an issuer, except Government's debt instruments." In case of deviation, the Fund Management Company has to adjust the structure of the investment portfolio of the Fund in conformity with the prevailing regulations within the regulated recovery timeframe.

Trong kỳ, tỷ lệ đầu tư của Quỹ vào chứng khoán của một tổ chức phát hành đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 10% giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó.

For the period from 01st January 2025 to 30th June 2025, the Fund's investment in securities of an issuer deviated from the limit of 10% of the total value of outstanding securities of that issuer.

Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định trong thời gian cho phép.

The Fund Management Company adjusted the structure of the investment portfolio of the Fund to comply with the prevailing regulations within the regulated recovery timeframe.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã tuân thủ quy định tại Điểm b, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98 và Điều 10, Điều lệ Quỹ.

As at 30th June 2025, the structure of the investment portfolio of the Fund complied with Point b, Clause 4, Article 35, Circular 98 and Article 10, Fund Charter.

- Theo Điểm i, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98 và Điều 10, Điều lệ Quỹ quy định cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ mở phải đảm bảo: "Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng." Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ cho phù hợp với quy định trong thời gian cho phép.

- Point i, Clause 4, Article 35, Circular 98 and Article 10, Fund Charter regulate that the structure of the investment portfolio of an open-end fund must ensure the following investment limit: "The fund shall not invest in more than 10% of total outstanding fund certificates of a public fund or total outstanding shares of a public securities investment company." In case of deviation, the Fund Management Company has to adjust the structure of the investment portfolio of the Fund in conformity with the prevailing regulations within the regulated recovery timeframe.

Trong kỳ, tỷ lệ đầu tư của Quỹ vào chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của quỹ đại chúng đó.

For the period from 01st January 2025 to 30th June 2025, the Fund's investment in outstanding fund certificates of a public fund deviated from the limit of 10% of the outstanding fund certificates of that public fund.

Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định trong thời gian cho phép.

The Fund Management Company adjusted the structure of the investment portfolio of the Fund to comply with the prevailing regulations within the regulated recovery timeframe.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã tuân thủ quy định tại Điểm i, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98 và Điều 10, Điều lệ Quỹ.

As at 30th June 2025, the structure of the investment portfolio of the Fund complied with Point i, Clause 4, Article 35, Circular 98 and Article 10, Fund Charter.

b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ, Sổ tay định giá đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt và các văn bản pháp luật liên quan.

b) Assets Valuation and Pricing of the Fund units were carried out in accordance with Fund Charter, Fund Prospectus, Valuation Manual approved by Board of Representatives of the Fund and other prevailing regulations.

c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

c) Fund subscriptions and redemptions were carried out in accordance with Fund Charter, Fund Prospectus, and other prevailing regulations.

d) Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận và không chi trả cổ tức cho nhà đầu tư.

d) For the period from 01st January 2025 to 30th June 2025, the Fund did not distribute profits and pay dividend to Fund Unit Holders.

5. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN

5. Reporting on authorized activities

Đối với Quỹ MAGEF, các đơn vị nhận ủy quyền bao gồm:

For the MAGEF fund, the authorized entities include:

- Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng.
- *Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC) provide transfer agent service*
- Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) cung cấp dịch vụ Quản trị Quỹ
- *Standard Chartered (Vietnam) Limited provide fund management service*

a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

a) Total costs for performing authorized activities paid to the authorized party

	Chi phí 6 tháng đầu năm 2025 (VND) <i>Expense in first half of 2025 (VND)</i>	Tỉ lệ so với Lợi nhuận <i>Ratio to Profit</i>	Tỉ lệ so với Thu nhập <i>Ratio to Income</i>	Tỉ lệ so với Tổng chi phí hoạt động Quỹ <i>Ratio to Total Fund Operating Expenses</i>
Chi phí dịch vụ quản trị Quỹ <i>Fund administrative fee</i>	302,445,000	3.43%	2.02%	5.69%
Chi phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng <i>Transfer agent fee</i>	79,200,000	0.90%	0.53%	1.49%
Chi phí giao dịch trả Đại lý phân phối <i>Other service fees</i>	0	0 %	0 %	0 %

b) Các ảnh hưởng của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: Chỉ làm tăng chi phí nhưng không đáng kể, hạn chế tối thiểu mức độ rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ

b) Impacts of authorized activities on the profits and level of risks incurred the fund/securities investment company

c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ);

c) Total costs for performing authorized activities paid to the authorized party (in case the authorized party provides many services for the fund management company);

STT <i>Numerical</i>	Chỉ tiêu <i>Indicator</i>	Số tiền <i>Amount</i>
1	Phí dịch vụ quản trị Quỹ <i>Fund administrative fee</i>	302,445,000
2	Chi phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng <i>Transfer agent fee</i>	79,200,000

3	Chi phí giao dịch trả Đại lý phân phối <i>Other service fees</i>	0
4	Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền của Quỹ <i>Total expense of the Fund's authorized activities</i>	381,645,000

- d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư : Tốt
- e) *Assessment of the maintenance of the internal control system, risk management system, information confidentiality, technical facilities, hot stand-by system, disaster recovery system, etc. of the authorized party, which must ensure that the authorized activities will be thoroughly performed, and will not cause adverse influence on investors: Good*

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ MIRAE ASSET (VIỆT NAM)
MIRAE ASSET (VIETNAM) FUND MANAGEMENT COMPANY LIMITED

Tổng giám đốc kiêm đại diện pháp luật

CEO and legal representative



Soh Jin Wook